

Số: **68** /ĐHV-HCTH

Nghệ An, ngày **20** tháng 01 năm 2022

V/v thông báo kết quả xét sáng kiến
năm 2021

Kính gửi:

- Trường các đơn vị;
- Công đoàn trường, Các Công đoàn bộ phận.

Thực hiện Quy định của Nhà trường về sáng kiến và xét công nhận sáng kiến ban hành kèm theo Quyết định số 2863/QĐ-ĐHV ngày 02/12/2021 của Hiệu trưởng, Hội đồng sáng kiến Nhà trường đã họp xét các giải pháp được đề nghị công nhận là sáng kiến của các tác giả, đồng tác giả năm 2021.

Nhà trường thông báo trong toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động kết quả họp xét của Hội đồng. Trong thời gian từ ngày 20/01 đến 26/01/2022, các tập thể, cá nhân nếu có ý kiến thì phản ánh về Trường (*qua phòng Hành chính Tổng hợp, trực tiếp ThS. Nguyễn Hồng Soa - Trưởng phòng, Ủy viên thư ký*).

Sau ngày 26/01/2022, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ ban hành Quyết định công nhận sáng kiến năm 2021.

Nhà trường yêu cầu Trường các đơn vị, Công đoàn trường, các Công đoàn bộ phận thông báo tới viên chức, người lao động toàn trường được biết.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Đảng ủy, Hội đồng trường (b/c);
- Lưu: HCTH.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG HCTH**



ThS. Nguyễn Hồng Soa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2021
Lĩnh vực: Đào tạo, giảng dạy

| TT | Tên sáng kiến | Tác giả/Đồng tác giả | Ghi chú |
|----|---|--|---------|
| 1. | Vận dụng mô hình CDIO, dạy học đảo ngược và dạy học hỗn hợp trong phát triển CTĐT giáo viên | - GS.TS. Nguyễn Huy Bằng, Hiệu trưởng (40%) - TS. Nguyễn Anh Dũng, Viện trưởng viện NC&ĐT TT (30%) - TS. Nguyễn Lê Ái Vinh, Phó Trưởng phòng Đào tạo (30%) | |
| 2. | Kế hoạch bài dạy môn Khoa học tự nhiên lớp 6 | PGS.TS. Cao Cự Giác, Phó Trưởng khoa Hóa học, Trường Sư phạm (40%) | |
| 3. | Quản trị chất lượng giáo dục trường Tiểu học / THCS/ THPT | - TS. Lê Thục Anh (35%) - PGS.TS. Nguyễn Như An (35%) - PGS.TS. Phạm Minh Hùng (30%) Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Sư phạm | |
| 4. | Xây dựng báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học | - TS. Nguyễn Thị Châu Giang (34%) - TS. Chu Thị Hà Thanh (33%) - PGS.TS. Chu Thị Thủy An (33%) Khoa GDTH, Trường Sư phạm | |
| 5. | Giáo trình Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học | - TS. Nguyễn Thị Châu Giang (70%) - TS. Nguyễn Thị Phương Nhung B (10%) Khoa GDTH, Trường Sư phạm | |
| 6. | Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học | TS. Trần Thị Hoàng Yên, Trưởng khoa GDMN, Trường Sư phạm và 24 tác giả | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| 7. | Giáo trình Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học | - Nguyễn Thị Phương Nhung A (70%) - Nguyễn Thị Quỳnh Anh (20%) - TS. Nguyễn Thị Nhân (10%) Khoa GDTH, Trường Sư phạm | |
| 8. | Giáo trình Kế toán quản trị | TS. Phạm Thị Thúy Hằng , Trưởng khoa Kế toán, Trường Kinh tế | |
| 9. | Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh | TS. Nguyễn Thị Thanh Hòa , Phó Trưởng khoa Kế toán, Trường Kinh tế | |
| 10. | Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin theo tiếp cận CDIO | - TS. Cao Thanh Sơn , Phó Giám đốc Trung tâm NC&CGCN giáo dục số, Viện NC&ĐT TT (35%) - PGS.TS. Hoàng Hữu Việt , Phó Viện trưởng Viện KT&CN (30%) | |
| 11. | English Day 2020 | TS. Lê Thị Tuyết Hạnh , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (1) | |
| 12. | Student Research day 2020 (SRD2020) | TS. Lê Thị Tuyết Hạnh , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (2) | |
| 13. | Giáo trình Sinh lý học thể dục thể thao | TS. Nguyễn Mạnh Hùng , Phó Trưởng khoa GDTC | |
| 14. | Giáo trình Điện kinh II | TS. Nguyễn Trí Lực , Phó Trưởng khoa GDTC | |
| 15. | Giải pháp dạy học online môn thực hành GDTC cho sinh viên hệ không chuyên Trường Đại học Vinh trong tình hình dịch Covid-19 | - TS. Văn Đình Cường (70%) - ThS. Trần Thị Ngọc Lan (30%) Khoa GD Thể chất | |
| 16. | Hàm số học | TS. Lê Xuân Sơn , Phó Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên (1) | |
| 17. | Một số nội dung nâng cao về số nguyên | TS. Lê Xuân Sơn , Phó Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên (2) | |
| 18. | Thiết kế các bài toán có nội dung thực tiễn trong dạy học toán bậc THPT nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục | TS. Lê Xuân Sơn , Phó Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên (3) | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| 19. | Giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn Toán theo định hướng phát triển năng lực học sinh, nhằm đạt kết quả cao trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh và kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia | ThS. Lê Mạnh Linh , Giáo viên Trường THPT Chuyên | |
| 20. | Hàm số liên tục và ứng dụng | TS. Lê Khánh Hưng , Giáo viên Trường THPT Chuyên | |
| 21. | Thiết kế và sử dụng bộ công cụ đánh giá năng lực sáng tạo cho học sinh ở trường Trung học phổ thông chuyên thông qua hoạt động giải bài tập hóa học hữu cơ | TS. Quách Văn Long , Giáo viên Trường THPT Chuyên | |
| 22. | Rèn luyện kỹ năng giải một số bài toán phân Nhị thức học bằng cách áp dụng đạo hàm và tích phân trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi | TS. Thái Đình Trung , Giáo viên Trường THPT Chuyên | |
| 23. | Một số biện pháp giúp trẻ 4-5 tuổi hiểu nghĩa của từ thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học | TS. Phan Xuân Phồn , Hiệu trưởng Trường THSP | |
| 24. | Một số biện pháp chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ tại trường Mầm non | ThS. Nguyễn Thị Bích Lê , Phó Hiệu trưởng Trường THSP | |
| 25. | Một số biện pháp nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên thông qua dự giờ, thăm lớp | ThS. Đặng Thị Lê Na , Phó Hiệu trưởng Trường THSP | |
| 26. | Tăng cường các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường Mầm non | Trần Thị Vân Anh , Giáo viên Trường THSP | |

Danh sách có 26 sáng kiến./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2021
Lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học

| TT | Tên sáng kiến | Tác giả/Đồng tác giả | Ghi chú |
|-----|---|---|---------|
| 1. | Chemical Compositions of Essential Oils and Antimicrobial Activity of Elettariopsis triloba from Vietnam | TS. Lê Duy Linh , Phó Giám đốc Trung tâm BDNVSP, Trường Sư phạm | |
| 2. | Xác định thành phần hàm nguồn chưa được biết trong phương trình truyền nhiệt với hệ số phụ thuộc thời gian | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức , Giảng viên Khoa Toán, Trường Sư phạm | |
| 3. | Quá trình phục hưng Phật giáo trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh trong 20 năm đầu thế kỷ XXI | PGS.TS Nguyễn Quang Hồng , Giảng viên Khoa Lịch sử, Trường Sư phạm | |
| 4. | "Vấn đề Trung Quốc" tại Hội nghị Versailles (1919 - 1920) | TS. Nguyễn Văn Tuấn , Phó Trưởng khoa Lịch sử, Trường Sư phạm | |
| 5. | Phát triển đội ngũ trưởng bộ môn ở các trường Đại học | PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị , Phó Trưởng khoa Vật lý, Trường Sư phạm (40%) | |
| 6. | Nghiên cứu các đại lượng đặc trưng của sợi tinh thể quang tử được thâm thấu các chất lỏng khác nhau ứng dụng cho phát siêu liên tục | PGS.TS. Chu Văn Lanh , Trưởng khoa Vật lý, Trường Sư phạm | |
| 7. | Thiết kế, tổ chức dạy học dựa trên dự án | TS. Nguyễn Thành Công , Giảng viên Khoa Vật lý, Trường Sư phạm | |
| 8. | Assessing climate risk to cassava (<i>Manihot esculenta</i>) yield based on rainfed (<i>Đánh giá rủi ro của khí hậu đến năng suất cây sắn dựa trên lượng mưa</i>) | TS. Nguyễn Thị Hoài , Phó Trưởng khoa Địa lý, Trường Sư phạm (50%) | |
| 9. | Dáng điệu tiệm cận của mô hình dịch tễ ngẫu nhiên có bước nhảy | PGS.TS. Nguyễn Thanh Diệu , Giảng viên Khoa Toán, Trường Sư phạm (40%) | |
| 10. | "Current situation of natural sciences laboratories and factors affecting the frequency of natural science laboratory teaching at some lower secondary schools in the North Central region of | TS. Nguyễn Thanh Mỹ , Giám đốc Trung tâm BDNVSP, Trường Sư phạm | |

(Handwritten mark)

| | | | |
|-----|---|---|--|
| | Vietnam" (<i>Thực trạng phòng thí nghiệm khoa học tự nhiên và những yếu tố ảnh hưởng đến tần suất dạy học các phòng thí nghiệm khoa học tự nhiên tại một số trường trung học cơ sở thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam</i>) | | |
| 11. | The impact of ODA in constructing road traffic infrastructure on Vietnam's economic growth, Journal of Project Management 6 (2021) 99-106 (ESCI) | ThS. Bành Thị Thảo , Giảng viên khoa TCNH, Trường Kinh tế | |
| 12. | Bản về Kế toán hàng tồn kho theo IAS 02, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số tháng 11/2021 (218) | TS. Nguyễn Thị Thanh Hòa , Phó Trưởng khoa Kế toán, Trường Kinh tế | |
| 13. | Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán tại Hà Nội | TS. Nguyễn Thị Bích Liên , Giảng viên khoa Kinh tế, Trường Kinh tế | |
| 14. | Ảnh hưởng của lợi thế cạnh tranh đến hiệu quả tài chính: Nghiên cứu thực nghiệm từ dữ liệu của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội | TS. Nguyễn Thị Hải Yến , Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế | |
| 15. | Simple design of a wideband and wide-angle reflective linear polarization converter based on crescent-shaped metamaterial for Ku-band applications (<i>Thiết kế bộ phân cực sóng điện từ có dải tần và góc tới rộng dựa trên cấu trúc siêu vật liệu sử dụng hình mặt trăng khuyết cho các ứng dụng trong băng tần Ku</i>) | PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa , Phó Viện trưởng Viện KT&CN | |
| 16. | Nonlinear Adaptive Filter Based on PipelinedBilinear Function Link Neural NetworksArchitecture (<i>Kiến trúc đường mạng nơ-ron liên kết chức năng song tuyến dựa trên xử lý kiểu đường ống cho bộ lọc thích nghi phi tuyến</i>) | TS. Lê Đình Công , Trưởng Bộ môn, Viện KT&CN | |
| 17. | Ảnh hưởng của trường laser lên sự gia tăng phonon trong hồ lượng tử thể parabol | TS. Nguyễn Tiến Dũng , Trưởng Bộ môn, Viện KT&CN | |
| 18. | A max-conflicts based heuristic search for the stable marriage problem with ties and incomplete lists (<i>Một thuật toán tìm kiếm dựa trên xung đột tối đa cho bài toán ghép cặp với danh sách không hoàn chỉnh</i>) | PGS.TS. Hoàng Hữu Việt , Phó Viện trưởng Viện KT&CN | |

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 19. | Biology and predatory ability of the reduviid <i>Sycanus falleni</i> Stal (Heteroptera: Reduviidae: Harpactorinae) fed on four different preys in laboratory conditions | TS. Thái Thị Ngọc Lam , Giảng viên Viện NN&TN | |
| 20. | Improved flood susceptibility mapping using a best first decision tree integrated with ensemble learning techniques | TS. Trần Thị Tuyên , Trưởng Bộ môn, Viện NN&TN | |
| 21. | Mapping forest fire susceptibility using spatially explicit ensemble models based on the locally weighted learning algorithm Ecological Informatics | TS. Trần Đình Du , Trưởng Bộ môn, Viện NN&TN | |
| 22. | Integrating Multi - threading into Query - Subquery Nets | TS. Cao Thanh Sơn , Phó Giám đốc Trung tâm NC&CGCN giáo dục số, Viện NC&ĐT TT (60%) | |
| 23. | Phân tích uốn phi tuyến của các tấm FGP trong các điều kiện biên khác nhau bằng cách sử dụng phương pháp phân tích | ThS. Lê Thanh Hải , Phó Trưởng khoa Xây dựng | |
| 24. | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (ANN-Artificial Neural Network) trong dự báo tốc độ ăn mòn của thép Carbon dưới tác động của môi trường trong các khu công nghiệp | - TS. Nguyễn Trọng Hà , Trưởng Bộ môn, Khoa Xây dựng (40%) - TS. Trần Ngọc Long , Trưởng khoa Xây dựng (30%) - TS. Nguyễn Duy Dẫn , Giảng viên Khoa Xây dựng (30%) | |
| 25. | Áp dụng dạy học theo dự án Đa trí năng nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Vinh | - TS. Lê Thị Tuyết Hạnh , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (40%) - ThS. Trần Thị Phương Thảo , Giảng viên Khoa SP Ngoại ngữ (30%) (1) - TS. Vũ Thị Hà , Giảng viên Khoa SP Ngoại ngữ (30%) | |
| 26. | Giá trị của phương pháp nghe mở rộng đối với mức độ đọc hiểu của người học tiếng Anh như một ngoại ngữ | - PGS.TS Trần Thị Ngọc Yến , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (70%) (1) - ThS. Trần Thị Phương Thảo , Giảng viên Khoa SP Ngoại ngữ (30%) (2) | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| 27. | A CDIO Competency Framework for Vinh University's Teaching Faculty (<i>Khung năng lực giảng viên CDIO của Trường Đại học Vinh</i>) | - PGS.TS. Trần Thị Ngọc Yến , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (35%) (2) - TS. Trần Bá Tiến , Phó Hiệu trưởng (35%) - TS. Nguyễn Xuân Bình , Giảng viên Khoa SP Ngoại ngữ (30%) | |
| 28. | Universally Koszul and initially Koszul properties of Orlik-Solomon algebras | TS. Thiệu Đình Phong , Trưởng phòng TCCB | |
| 29. | Bộ hấp thụ băng tần kép terahertz không phân cực từ siêu vật liệu dị trên sắp xếp không đối xứng bởi hai bộ cộng hưởng hình chữ nhật | PGS.TS. Nguyễn Hồng Quảng , Giám đốc Nhà Xuất bản (30%) | |
| 30. | Bồi dưỡng đội ngũ tổ trưởng chuyên môn ở các trường tiểu học theo tiếp cận năng lực | TS. Phùng Quang Dương , Trưởng VP Đại diện tại Thanh Hóa | |
| 31. | Free And Open Indo - Pacific Strategy: Impacts On Vietnam (Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở: Tác động đến Việt Nam) | PGS.TS. Đinh Trung Thành , Giám đốc Trung tâm GDTX (1) | |
| 32. | Solutions to enhance people's satisfaction about environmental criteria implementation in the new rural program: A case study in Vietnam (<i>Giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân đối với việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới: Một nghiên cứu điển hình ở Việt Nam</i>) | PGS.TS. Đinh Trung Thành , Giám đốc Trung tâm GDTX (2) | |
| 33. | Khảo sát chiết suất của hỗn hợp chất lỏng nước và methanol theo bước sóng | TS. Bùi Đình Thuận , Giám đốc Trung tâm TH-TN | |
| 34. | Xây dựng quy trình hướng dẫn thực hành thí nghiệm Hóa học cho sinh viên ngành Sư phạm Hóa học theo tiếp cận CDIO | ThS. Lê Thị Thu Hiệp , Phó Giám đốc Trung tâm TH-TN | |
| 35. | Nghiên cứu áp dụng các mô hình ăn mòn kim loại vào việc tính toán sự suy giảm khả năng chịu lực của kết cấu cột ống thép nhồi bê tông | ThS. Lê Việt Đồng , Tổ trưởng, Trung tâm TH-TN | |
| 36. | Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng kỹ thuật học sâu trong chuẩn đoán bệnh viêm phổi bằng hình ảnh | ThS. Nguyễn Thị Nhã , Tổ trưởng, Trung tâm TH-TN | |

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 37. | Quản lý hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo thạc sỹ ngành LL&PPDHBM ở Trường Đại học Vinh theo tiếp cận mục tiêu và chuẩn đầu ra | ThS. Nguyễn Đình Huy , Phó Giám đốc Trung tâm KĐCLGD | |
| 38. | Đề án "Nghiên cứu rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế theo tiếp cận CDIO" | TS. Phạm Thị Huyền Sang , Trưởng khoa Luật Kinh tế, Trường KHXH&NV (1) | |
| 39. | Đề tài "Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Luật Kinh tế, quốc tế theo tiếp cận CDIO" (Mã Số: T2019 - 40TĐ) | TS. Phạm Thị Huyền Sang , Trưởng khoa Luật Kinh tế, Trường KHXH&NV (2) | |
| 40. | Một số giải pháp đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy luật hành chính đáp ứng yêu cầu xã hội Và bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay | TS. Nguyễn Thị Hà , Giảng viên Khoa Luật học, Trường KHXH&NV (1) | |
| 41. | Một vài ý kiến tăng cường năng lực giảng viên trong việc đào tạo cử nhân Luật có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội và thị trường lao động | TS. Nguyễn Thị Hà , Giảng viên Khoa Luật học, Trường KHXH&NV (2) | |
| 42. | Controlling group velocity via an external magnetic field in a degenerated three-level lambda-type atomic system | PGS.TS. Nguyễn Văn Phú , Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế | |

Danh sách có 42 sáng kiến./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2021
Lĩnh vực: Lãnh đạo, quản lý, tham mưu, phục vụ

| TT | Tên sáng kiến | Tác giả/Đồng tác giả | Ghi chú |
|----|---|--|---------|
| 1. | Phát triển chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương, đem lại hiệu quả kinh tế, giáo dục | PGS.TS. Chu Thị Thủy An , Trưởng khoa GD Tiểu học, Trường Sư phạm | |
| 2. | Một số giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức trường Đại học Vinh trong giai đoạn hiện nay | PGS.TS. Nguyễn Như An , Trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Sư phạm | |
| 3. | Một số quy trình quản lý chất lượng trong công tác quản lý HSSV theo ISO | - TS. Đặng Thị Thu , Trưởng phòng CTCT-HSSV (1) (60%) - ThS. Lê Trần Nam , Chuyên viên Phòng CTCT-HSSV (40%) | |
| 4. | Mô hình "Bình yên mái trường - Giảng đường hội nhập" | - TS. Đặng Thị Thu , Trưởng phòng CTCT-HSSV (40%) (2) - ThS. Mai Xuân Nguyên , Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV (1) (60%) | |
| 5. | Mô hình "Nhà trọ thông minh" | - ThS. Mai Xuân Nguyên , Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV (2) (70%) - ThS. Nguyễn Thanh Sơn , Chuyên viên Phòng CTCT-HSSV (30%) | |
| 6. | Đề án tuyển sinh năm 2021 và các văn bản triển khai công tác tuyển sinh | - TS. Nguyễn Thành Vinh , Phó Trưởng phòng Đào tạo (30%) - TS. Đào Quang Thắng , Chuyên viên phòng Đào tạo (30%) - ThS. Lê Khắc Phong , Chuyên viên phòng Đào tạo (40%) | |

(Handwritten signature)

| | | | |
|-----|---|---|--|
| 7. | Phần mềm đăng ký, phê duyệt lịch tuần Trường Đại học Vinh | ThS. Nguyễn Quốc Dũng , Phó Trưởng phòng HCTH (33.33%) | |
| 8. | Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh | - ThS. Nguyễn Hồng Soa , Trưởng phòng HCTH (1) (50%) - TS. Lê Minh Giang , Phó Trưởng phòng HCTH (1) (50%) | |
| 9. | Quản lý văn bằng, chứng chỉ, phụ lục văn bằng của Trường Đại học Vinh | - ThS. Nguyễn Hồng Soa , Trưởng phòng HCTH (2) (50%) - TS. Lê Minh Giang , Phó Trưởng phòng HCTH (2) (50%) | |
| 10. | Quy trình soạn thảo và kí kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài trong xu thế phát triển mới | ThS. Nguyễn Văn Hải , Phó Trưởng phòng KH&HTQT | |
| 11. | Thực trạng và giải pháp đảm bảo cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Vinh | ThS. Nguyễn Hữu Sáng , Trưởng phòng QT&ĐT | |
| 12. | Một số giải pháp thực hiện tiết kiệm trong việc sử dụng điện tại các đơn vị Trường Đại học Vinh | ThS. Trần Đình Luân , Phó Trưởng phòng QT&ĐT | |
| 13. | Một số kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng | ThS. Lê Văn Quý , Phó Trưởng phòng QT&ĐT | |
| 14. | Một số giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức trường Đại học Vinh trong giai đoạn hiện nay | ThS. Nguyễn Thị Xuân Lộc , Phó Trưởng phòng TCCB (1) | |
| 15. | Xây dựng khung năng lực của chuyên viên tổ chức, cán bộ trường đại học công lập | ThS. Nguyễn Thị Xuân Lộc , Phó Trưởng phòng TCCB (2) | |
| 16. | Xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường, Ban Thường vụ Đảng uỷ Trường khoá XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (<i>Quy chế số 01-QC/ĐU ban hành ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Vinh</i>) | - ThS. Nguyễn Quang Tuấn , Chánh Văn phòng Đảng - HĐT - Đoàn thể (1) (50%) - TS. Nguyễn Ngọc Hiền , Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng trường (30%) (1) | |
| 17. | Xây dựng Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Trường, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Trường Đại học Vinh (<i>Quy định</i> | - ThS. Nguyễn Quang Tuấn , Chánh Văn phòng Đảng - HĐT - Đoàn thể (2) (50%) - TS. Nguyễn Ngọc Hiền , Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng trường (30%) (2) | |



| | | | |
|-----|---|--|--|
| | <i>số 04-QĐ/ĐU ban hành ngày 10/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Vinh)</i> | | |
| 18. | Mô hình truyền thông và hỗ trợ cộng đồng trong phòng chống COVID-19 | - ThS. Nguyễn Thị Hà Giang , Phó Bí thư Đoàn trường (50%) (1) - KS. Trần Đình Dũng , Bí thư Đoàn Viện KTCN (50%) | |
| 19. | Ứng dụng Google Form trong nâng cao chất lượng sinh hoạt chi đoàn | - ThS. Nguyễn Thị Hà Giang , Phó Bí thư Đoàn trường (70%) (2) - ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiền , Chuyên viên Văn phòng Đoàn (30%) | |
| 20. | Xét nghiệm SARS- COV-2 Ag test nhanh ở Trường Đại học Vinh | BS. Thái Thị Tân , Trạm trưởng Trạm Y tế | |
| 21. | Sổ tay Đảm bảo chất lượng | - TS. Nguyễn Ngọc Hiếu , Giám đốc Trung tâm ĐBCL (30%) - ThS. Trần Thanh Huyền , Chuyên viên Trung tâm ĐBCL (30%) | |
| 22. | Ảnh hưởng của đánh giá quá trình đến năng lực tự học của sinh viên Trường Đại học Vinh | ThS. Nguyễn Thị Hương Trà , Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL | |
| 23. | Thành lập, vận hành, quản lý Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh | - ThS. Lê Công Đức , Giám đốc Trung tâm DV, HTSV&QHĐN (70%) (1) - ThS. Đoàn Văn Minh , Phó Giám đốc Trung tâm DV, HTSV&QHĐN (30%) (1) | |
| 24. | Xây dựng dữ liệu việc làm Cựu sinh viên tốt nghiệp | - ThS. Lê Công Đức , Giám đốc Trung tâm DV, HTSV&QHĐN (3) | |
| 25. | Một số kinh nghiệm quản lý Lưu học sinh ở Ký túc xá trong giai đoạn đại dịch Covid-19 | ThS. Phạm Thị Hoài Thanh , Giám đốc Trung tâm Nội trú | |
| 26. | Kế hoạch ứng phó bức xạ của Trường Đại học Vinh | ThS. Nguyễn Thế Tân , Phó Giám đốc Trung tâm TH-TN | |
| 27. | Tổ chức mới hệ thống kho sách theo chuyên ngành phù hợp với mô hình tái cấu trúc các đơn vị đào tạo trường Đại học Vinh | TS. Vũ Duy Hiệp , Trưởng Ban Quản lý Cơ sở II | |

| | | | |
|-----|--|---|--|
| 28. | Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tại Trường THSP | Trần Thị Quỳnh Yên , Chuyên viên Văn phòng Trường THSP | |
| 29. | Quy trình thanh toán, Quy trình hạch toán của Trường Đại học Vinh | Nguyễn Thị Trà Giang , Kế toán viên Phòng KH-TC (50%) | |
| 30. | Sửa đổi, bổ sung và xây dựng hệ thống mẫu biểu xây dựng Kế hoạch năm | Trần Thị Thu Liên , Kế toán viên Phòng KH-TC (40%) | |

Danh sách có 30 sáng kiến./.